

Bản án số: **118/2020/HS-PT**

Ngày: 11 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thế Cẩm**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Quốc Thiện**

Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Minh Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **37/2019/HS-PT** ngày 13 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Đình T. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: **23/2019/HS-ST** ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Đình T**, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Đình P (đã chết) và bà Lê Thị T; có vợ là Trần Thị Mỹ Tr (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 25/12/2011, bị Công an huyện H, thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015, ông Dũ Văn B có nhận chuyển nhượng diện tích đất 19.053 m² của bà Nguyễn Thị T với giá 15.000.000 đồng và diện tích 10.255 m² của bà Phùng Thị C với giá 13.000.000 đồng. Đây là 02 thửa rừng liền kề nhau, được cấp theo dự án KFW6 từ năm 2011 tại thôn A, xã T, huyện H. Trong Giấy chứng nhận quyền sử

dụng (GCN QSD) đất ghi rõ “*đất khoanh nuôi phục hồi rừng sản xuất*”. Diện tích rừng được ghi trong các GCN QSD đất này là rừng tự nhiên. Việc chuyển nhượng được viết giấy tay, các bên chưa làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu.

Tháng 3/2018, ông B thuê người vào phát dây leo, bụi rậm (phát luổng) trên diện tích đất đã nhận chuyển nhượng của bà T và khoảng 2.000 m² trên diện tích đất đã nhận chuyển nhượng của bà C. Khi đang tiến hành thì bị UBND xã và Kiểm lâm địa bàn phát hiện, yêu cầu dừng lại. Ông B chấm dứt việc phát dọn và để rừng phát triển tự nhiên.

Tháng 4/2018, Nguyễn Đình T tới nói với ông B: “*Miếng rừng chú mua lại của anh cả con chú có làm không, không thì để lại cho con làm!*”. Ông B nói: “*Rừng nó chú phát luổng sạch rồi, mà bị xã với Kiểm lâm không cho làm, chừ con ưng làm thì đưa tiền lại cho chú*”. T nói: “*Chừ con chưa có tiền, nếu để con làm thì khi có sản phẩm con chia 7/3 cho chú hoặc con trả tiền cho chú*”. Ông B nói: “*Rứa thì con làm đi, Kiểm lâm bắt thì con tự chịu*”.

Tháng 01/2019, T thuê 01 người tên V (chưa xác định được lai lịch) cưa hạ toàn bộ cây gỗ lớn trên toàn bộ diện tích rừng đã được ông B thuê người phát luổng trước đó. Trong quá trình cưa hạ, ông V sử dụng cưa lóc cá nhân.

Ngày 09/3/2019, Hạt Kiểm lâm P - H phát hiện vụ phá rừng nói trên. Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 19/3/2019 tại khoảnh 4, 7 Tiểu khu 516, thôn A, T, H ghi nhận: Tổng diện tích rừng tự nhiên bị xâm phạm là 9.667 m². Đo tính số lượng cây gỗ bị thiệt hại là 285 cây, chủng loại gồm: Dự, Vừng núi, Mò cua, Gáo, Sơn lu, Lim xẹt, Trám trắng, Dầu, Lành ngạnh, Mít nài..., gỗ từ nhóm III, V, VI, VII, VIII. Khối lượng gỗ thương phẩm là 24,349 m³, trữ lượng gỗ trên toàn bộ diện tích 28,657 m³, trữ lượng gỗ trên một hecta là 29,643 m³/ha.

Căn cứ Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Quảng Nam, công văn số 194/CCKL-SD&PTR ngày 05/4/2019 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Nam xác định diện tích 9.667 m² nói trên được quy hoạch là rừng tự nhiên có chức năng sản xuất và phòng hộ, trong đó rừng phòng hộ là 6.253 m², rừng sản xuất là 3.414 m².

Tại Công văn số 84 ngày 14/5/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H xác định: Trong tổng diện tích 9.667 m² do ông T thuê lao động vào chặt cây trong đó có: 6.976,9 m² thuộc UBND xã T quản lý; 2.504,8 m² thuộc GCN QSD đất số BG 462370 của bà Phùng Thị C; 185,3 m² thuộc GCN QSD đất số BG 462388 của bà Nguyễn Thị T.

Ngày 16/7/2019, cơ quan điều tra tiến hành thực nghiệm điều tra. Kết quả: Nguyễn Đình T dẫn chỉ đúng diện tích mà mình đã thuê người lên cưa hạ cây trùng với diện tích mà ông B đã thuê người phát dây leo, bụi rậm.

Tại Kết luận số 07/KL-HĐĐG ngày 03/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H xác định giá trị thiệt hại trong vụ hủy hoại rừng nói trên là 105.288.700 đồng. Trong đó:

+ Số lượng gỗ chặt hạ rừng sản xuất 8,281 m³, giá trị gỗ bị chặt hạ là 8.404.800 đồng, thiệt hại về môi trường đối với rừng sản xuất được nhân với hệ số “k” là 3; do đó, tổng thiệt hại đối với rừng sản xuất là 33.619.200 đồng.

+ Số lượng gỗ bị chặt hạ rừng phòng hộ là 16,068 m³, giá trị gỗ bị chặt hạ là 14.333.900 đồng, thiệt hại về môi trường đối với rừng phòng hộ được nhân với hệ số “k” là 4; do đó, tổng thiệt hại đối với rừng phòng hộ là 71.669.500 đồng.

- Về vật chứng của vụ án: Chi cục Kiểm lâm P - H đã bàn giao 24,349 m³ gỗ thương phẩm đã bị cưa hạ, cắt khúc tại hiện trường cho UBND xã T quản lý.

- Về dân sự: Ngày 04/11/2019, đại diện UBND xã T đã có đơn yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình T bồi thường số tiền 71.669.500 đồng đối với thiệt hại trên 6.253 m² rừng phòng hộ. Hiện bị cáo Nguyễn Đình T mới bồi thường số tiền 5.000.000 đồng. Số tiền còn lại bị cáo thống nhất bồi thường nhưng chưa có tiền nên bị cáo sẽ bồi thường sau.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số: **23/2019/HS-ST** ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam đã quyết định: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đình T** phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đình T 09** (Chín) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Vào ngày 09/12/2019, bị cáo Nguyễn Đình T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân để làm căn cứ xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 09 tháng tù là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, không phát sinh tình tiết mới và xét mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là phù hợp và đúng pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Đình T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo. Xét đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đình T khai nhận: Với mục đích có đất trồng Keo, vào khoảng tháng 01/2019 bị cáo đã thuê người tên V (không rõ lai lịch) đến khoanh 4 và khoanh 7 Tiểu khu 516 (thuộc địa phận thôn A, xã T, huyện H) dùng cưa lóc chặt hạ toàn bộ cây trên diện tích rừng phòng hộ là 6.253 m².

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ được cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi thuê người dùng cưa lóc chặt phá trái phép rừng phòng hộ với diện tích 6.253 m² để lấy đất trồng Keo của bị cáo nêu trên nên bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2019/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam kết án bị cáo Nguyễn Đình T về tội “Huỷ hoại rừng” theo điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhân thân để làm căn cứ xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 09 tháng tù là có cơ sở. Trước thực trạng phá rừng để lấy đất sản xuất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam nói chung và huyện H nói riêng vẫn chưa được ngăn chặn có hiệu quả nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp, đáp ứng được yêu cầu giáo dục riêng và phòng ngừa chung loại tội phạm này hiện nay. Tuy nhiên, xét thấy bản thân bị cáo hiện đang bị bệnh thoái hoá cột sống, là lao động chính trực tiếp nuôi mẹ già và sau khi xét xử sơ thẩm mặc dù có hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng cũng đã bồi thường thêm được số tiền 3.000.000 đồng, thể hiện sự ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm để giảm về hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo sớm hoà nhập cộng đồng, giúp đỡ gia đình và thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước đối với người lần đầu phạm tội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 3.000.000 đ (Ba triệu đồng) tại biên lai thu số 006523 ngày 16/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H nên bị cáo còn tiếp tục bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam số tiền là 63.669.500 đ (*Sáu mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi chín nghìn, năm trăm đồng*) để sung vào công quỹ nhà nước.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị và Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Đình T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình T, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đình T 06** (Sáu) tháng tù, về tội “*Hủy hoại rừng*”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Đình T tiếp tục bồi thường thiệt hại về tài sản cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam số tiền là 63.669.500 đ (*Sáu mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi chín nghìn, năm trăm đồng*) để sung vào công quỹ nhà nước.

Kể từ ngày nguyên đơn dân sự có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Bị cáo Nguyễn Đình T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị và Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 11/5/2020).

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành TT;
- Người tham gia TT;
- Phòng PV 06 CA Quảng Nam;
- P.HSNV Sở tư pháp Quảng Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thế Cẩm

